

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 01/VGR-CV ngày 04/12/2023 của Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu đô thị mới phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1643/TTr-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần, địa chỉ tại: Số 7 đường Bằng Lăng 1, KĐT Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu đô thị mới phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu đô thị mới phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh

Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101245486 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 72 ngày 16/08/2022.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0101245486.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; trung tâm thương mại; dịch vụ lưu trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định tại STT 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 40.628,8 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động: Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng diện tích 7.903,4m<sup>2</sup>; Khu nhà ở Shophouse diện tích 15.05,2 m<sup>2</sup>; đất giao thông, cây xanh, diện tích 17.668,20 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần có trách nhiệm:

2.1. Chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường và trước pháp luật đối với Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng. UBND phường Điện Biên chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường đối với Khu nhà ở Shophouse sau khi nhận bàn giao quản lý hạ tầng và dân cư từ Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 20 tháng 12 năm 2023 đến ngày 20 tháng 12 năm 2033).

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Tập đoàn Vingroup - CTCP (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- UBND P.Điện Biên, TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của du khách, nhân viên từ hoạt động dịch vụ tại Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng phát sinh lưu lượng lớn nhất khoảng  $231 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ dịch vụ ăn uống và nhà hàng trong Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng phát sinh lưu lượng khoảng  $99 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của dân cư tại Khu nhà ở Shophouse phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng  $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

1.4. Nguồn số 04: Nước thải từ dịch vụ ăn uống và nhà hàng tại Khu nhà ở Shophouse phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng  $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

##### 2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước thải chung của khu vực trên tuyến đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa → Dẫn về Trạm xử lý nước thải của thành phố tại phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa → Chảy ra sông Nhà Lê.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn thải số 01 và 02): Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm ra hệ thống thoát nước thải chung của cơ sở cùng với dòng thải số 2 thoát ra hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố trên tuyến đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^\circ$  múi chiều  $3^\circ$ ): X= 2191445 (m); Y = 0581250(m).

- Dòng thải số 02 (tương ứng với nguồn thải số 03 và 04): Nước thải sau xử lý sơ bộ tại mỗi khu nhà Shophouse được thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của cơ sở cùng với dòng thải số 1 thải ra ra hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố trên tuyến đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^\circ$  múi chiều  $3^\circ$ ): X = 2191432 (m); Y = 0581324(m).

### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: Lưu lượng 330 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Dòng thải số 02: Lưu lượng 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.3.1. Phương thức xả thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sau xử lý xả ra hệ thống thoát nước chung bằng phương thức bơm cưỡng bức, xả ngầm.

- Dòng thải số 02: Nước thải sau xử lý xả ra hệ thống thoát nước chung bằng phương thức tự chảy, xả ngầm.

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải đối với dòng thải số 01 trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt tại Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng được tách dòng xử lý. Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân được thu gom, tách rác sau đó theo đường ống HDPE D90 - D110 dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải vệ sinh được thu gom và xử lý trong bể tự hoại 3 ngăn (số lượng 01 bể, thể tích  $326\text{m}^3$ ) sau đó theo đường ống HDPE D90 - D110 dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn thải số 02: Nước thải nhà ăn từ dịch vụ ăn uống tại khu trung tâm thương mại được các chủ kiot tự thu gom vào bể tách dầu mỡ được đầu tư tại mỗi gian kiot, sau đó dẫn theo đường ống HDPE D110 về bể tách dầu mỡ tập trung (01 bể, thể tích  $52,7\text{m}^3$ ) và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải nhà ăn tại nhà hàng trong Khách sạn được thu gom về bể tách dầu mỡ lắp đặt tại khu bếp, sau đó dẫn theo đường ống HDPE D110 về bể tách dầu mỡ tập trung và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của dân cư tại Khu nhà ở Shophouse được thu gom và tách dòng để xử lý. Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân được thu gom, tách rác sau đó theo đường ống HDPE D110 dẫn ra mương thoát nước thải trong khu nhà ở Shophouse và thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực. Đối với nước thải vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại đã được đầu tư tại mỗi căn nhà (số lượng 153 bể, thể tích  $4\text{m}^3/\text{bể}$ ) để xử lý, sau đó theo đường ống HDPE D110 dẫn ra mương thoát nước thải trong khu nhà ở Shophouse và thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực trên tuyến đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá.

- Nguồn số 04: Nước thải từ dịch vụ ăn uống và nhà hàng tại Khu nhà ở Shophouse được chủ nhà tự thu gom, xử lý cục bộ bằng bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống HDPE D90 dẫn ra mương thoát nước thải trong khu nhà ở Shophouse và thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực trên tuyến đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá.

## 1.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung được đầu tư để xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng gồm 02 đơn nguyên làm việc song song với nhau.

- Tóm tắt quy trình công nghệ như sau: Nước thải → Bể điều hòa (01 bể) → Bể xử lý sinh học Selecter (02 bể) → Bể xử lý sinh học A-SBR (02 bể) → Bể khử trùng và chứa nước sau xử lý (01 bể).

- Công suất thiết kế:  $500\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

##### 1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời khi có sự cố.
- Bảo trì máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng (máy thổi khí, bơm nước, bơm định lượng,...) đảm bảo sẵn sàng thay thế khi có sự cố thiết bị.
- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

##### 1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Sử dụng song song 02 đơn nguyên xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố đối với 01 đơn nguyên thì đầu nối toàn bộ nước thải về đơn nguyên còn lại để xử lý trong thời gian khắc phục sự cố.
- Trường hợp máy móc, thiết bị bị hư hỏng, tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý ra môi trường tiếp nhận; bơm nước trong bể xử lý về bể điều hòa; công nhân kỹ thuật tiến hành sửa chữa hoặc thay thế kịp thời bằng các thiết bị, máy móc dự phòng.
- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải sẽ được bơm quay về bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài: Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng bơm hút toàn bộ nước thải đi xử lý theo quy định đến khi khắc phục xong sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.3. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.4. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (tại cuối bể khử trùng).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày.

3.6. Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải từ hoạt động của Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.7. Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần có trách nhiệm về việc xả và thoát nước thải tại Khu nhà ở Shophouse. Sau khi bàn giao hạ tầng và dân cư cho UBND phường Điện Biên, có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Điện Biên để quản lý theo quy định của pháp luật./.



**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

1.1. Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn của nhà hàng, nhà ăn tại trung thương mại và khí thải từ hoạt động nấu ăn của nhà hàng trong khách sạn (nguồn phát sinh không liên tục).

1.2. Nguồn số 02: Mùi, khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Vị trí xả thải số 01: Tương ứng với ống thông hơi từ quạt hút mùi khu vực nhà hàng, nhà ăn của Trung tâm thương mại và Khách sạn. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}$  múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 2191434; Y = 0581264.

- Vị trí xả thải số 02: Tương ứng với ống thông hơi của thiết bị xử lý mùi của Trạm xử lý nước thải sau xử lý. Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}$  múi chiều  $3^{\circ}$ ): X = 2191432; Y = 0581263.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng  $10.324 \text{ m}^3/\text{h}$ .

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng  $1.200 \text{ m}^3/\text{h}$ .

**2.3. Phương thức xả thải:**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi hoạt động nấu ăn.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường, xả liên tục 24/24h.

**2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:**

Chất lượng khí thải nguồn số 2 phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 7222:2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Nguồn thải số 01: Mùi, khí thải từ khu vực nấu ăn của Trung tâm thương mại thu gom bằng hệ thống quạt hút mùi đầu tư tại mỗi gian hàng cùng với mùi, khí thải từ khu vực nấu ăn của nhà hàng trong khách sạn được dẫn vào hệ thống đường ống thoát khí chung D300 thoát ra môi trường.

- Nguồn thải số 02: Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải và thoát ra môi trường bên ngoài qua ống thông hơi D300.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn → Quạt hút → Cụm hệ thống hút mùi → Đường ống thông hơi → Môi trường.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung → Quạt hút → 02 Tháp hấp thụ chứa than hoạt tính → Đường ống thông hơi → Môi trường.

### 1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.2.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của các xưởng sản xuất có phát sinh dung môi hữu cơ đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.5 phần A của Phụ lục này.

3.2. Định kỳ hằng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thay tấm lọc than hoạt tính định kỳ; than hoạt tính sau khi thải bỏ được lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

3.5. Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải từ hoạt động của Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn 39 tầng ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tọa độ nguồn số 01: X = 2191351; Y = 0581230.
- Tọa độ nguồn số 02: X = 2191334; Y = 0581238.

(Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105<sup>o</sup> múi chiều 3<sup>o</sup>).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	15
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	80
3	Thủy tinh nhiễm thành phần nguy hại	11 02 01	15
4	Hộp mực in thải	08 02 04	10
5	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	25
6	Than hoạt tính	12 02 06	60
	<b>Tổng khối lượng</b>		<b>205</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải (sau khi được phân định không có thành phần nguy hại)	30,0

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	535,0
2	Sinh khối từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, thảm cỏ trong khu dân cư, công viên	5,0
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>540,0</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

#### 2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Trong khách sạn bố trí mỗi bộ phận 1 kho lưu chứa (03 kho chứa, diện tích khoảng 10,0 m<sup>2</sup>/kho) để lưu giữ CTNH.

- Bố trí 01 kho lưu chứa CTNH tập trung ở tầng 1 của Tòa nhà trung tâm thương mại kết hợp khách sạn có diện tích 10,0 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Kho lưu chứa được lát nền bằng gạch ceramic chống thấm, tường xây gạch.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu trong ngăn chứa bùn định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với Khách sạn: Trang bị và bố trí khoảng trên 250 thùng chứa có nắp dung tích 10 lít/thùng tại các nơi phát sinh như nhà ăn, nhà bếp, văn phòng, phòng nghỉ khách sạn...) để phân loại và thu gom nguồn thải này.

- Đối với Trung tâm thương mại: Trang bị và bố trí khoảng trên 500 thùng chứa có nắp dung tích 10 lít/thùng tại các nơi phát sinh như khu vực nhà hàng, quầy dịch vụ, văn phòng...) để phân loại và thu gom nguồn thải này.

- Rác thải sinh hoạt từ các tầng cao của các tòa nhà được công nhân vệ sinh thu gom bằng xe chuyên dụng vận chuyển xuống dưới bằng thang máy.

- Đối với rác thải khu Shop House: Đầu tư 02 xe rác đẩy tay để thu gom vận chuyển rác tới vị trí tập kết rác thải sinh hoạt tại sân sau của tòa trung tâm thương mại có diện tích khoảng 15m<sup>2</sup>, vị trí thuận lợi cho xe vận chuyển thu gom ra vào khu đô thị.

- Hằng ngày nhân viên dọn vệ sinh thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt về điểm tập kết.

#### 2.3.2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được thu gom về khu vực kho lưu giữ tạm thời có diện tích khoảng 20 m<sup>3</sup>, bố trí ở tầng 1 của tòa nhà; trong kho bố trí 20 thùng đựng rác bằng nhựa dung tích 0,5 m<sup>3</sup>/thùng.

- Toàn bộ rác được đựng trong các thùng composite chuyên dụng 240lit, xe rác 0,5 m<sup>3</sup> để lưu giữ rác thải, không để rác thải xuống nền sàn.

## **2.4. Chuyển giao chất thải**

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý; không để rác thải sinh hoạt dễ phân hủy qua đêm tại khu vực dự án.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải.
2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

## **PHỤ LỤC 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số  $K = 1,0$ ; khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.